TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2024/DS - PT
Ngày 04 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Long

Ông Lê Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại điểm cầu Trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay"*. Công chức Tòa án hỗ trợ tại điểm cầu thành phần là ông Chung Hữu T – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 79/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2024/QĐ-PT, ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thanh N, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho chị Trần Thanh N: Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1977. Địa chỉ: khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo Văn bản ủy quyền đề ngày 30/10/2023 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Tuấn T2, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Trần Thanh T3, sinh năm 1950 (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Tuấn T2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn chị Trần Thanh N *và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thành T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Chị Trần Thanh N quen biết anh Trần Tuấn T2 thông qua việc mua bán sữa. Trong khoảng thời gian năm 2019 đến năm 2020 chị N có cho anh T2 vay, mượn tiền nhiều lần, sau khi tất toán các khoản, anh T2 thừa nhận còn thiếu chị N số tiền là 450.000.000 đồng. Ngày 18/8/2020, anh T2 viết tờ biên nhận có thiếu số tiền 450.000.000 đồng và hứa đến ngày 01/02/2021 trả 50.000.000 đồng, còn lại 400.000.000 đồng trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 4.000.000 đồng nhưng anh T2 không trả theo thỏa thuận và bỏ đi khỏi địa phương nên chị N không gặp được anh T2 để đòi nợ được mà chỉ thông qua điện thoại. Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T2 phải trả số tiền vay còn thiếu là 450.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn anh Trần Tuấn T2 trình bày: Anh không có thiếu tiền chị N số tiền 450.000.000 đồng (trong đó vốn gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 250.000.000 đồng), mà do mẹ ruột anh bà Phạm Thị N1 thiếu do vay tiền của bà Trần Thanh T3 là mẹ chi N, sau đó chị N bắt anh viết giấy mượn tiền đề ngày 18/8/2020 ghi số nợ 450.000.000 đồng. Tờ giấy mượn tiền đề ngày 18/8/2020 do chính tay anh viết và ký tên là đúng, anh viết tờ giấy này tại Quầy bán sữa của chị N, có mặt chị N và anh T1 chứng kiến. Khoảng 15 ngày sau kể từ ngày anh viết Giấy mượn tiền đề ngày 18/8/2020 thì bà T3 có kêu mẹ anh là bà Phạm Thị N1 viết tiếp tờ biên nhận nợ bà T3 số tiền 200.000.000 đồng, số tiền này bà T3 đã khởi kiện bà N1 và Tòa án đã giải quyết xong. Việc anh viết biên nhận nợ chị N số tiền 450.000.000 đồng thì bà N1 không biết, còn bà Phạm Thị N1 tự tay viết tờ biên nhận đề ngày 13/9/2020 có nợ là T3 số tiền 200.000.000 đồng thì anh cũng không hay biết. Do số tiền 200.000.000 đồng bà T3 kiện bà N1 và Tòa án đã giải quyết xong, nên anh không còn thiếu tiền của chị N nên không đồng ý trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Phạm Thị N1 trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Trần Tuấn T2, bà có vay của bà Trần Thanh T3 số tiền 200.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng, sau đó chị Trần Thanh N con bà T3 kêu anh Trần Tuấn T2 viết giấy mượn tiền có nợ chị N số tiền 450.000.000 đồng (trong đó vốn gốc là 200.000.000 đồng, còn lãi suất là 250.000.000 đồng), sau đó bà Trần Thanh T3 (mẹ chị N) kêu bà đến nhà bắt viết tờ biên nhận ghi số tiền gốc

200.000.000 đồng vào ngày 13/9/2020. Số tiền bà nợ bà T3 Tòa án đã giải quyết xong, nên T2 không còn thiếu tiền chị N. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh T3: Không có lời khai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang đã quyết định:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thanh N.

Buộc anh Trần Tuấn T2 có nghĩa vụ trả 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) cho chị Trần Thanh N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, bị đơn anh Trần Tuấn T2 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Nguyễn Thành T1 không rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn anh Trần Tuấn T2 giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Tờ giấy mượn tiền ngày 18/8/2020 thể hiện nội dung anh T2 có mượn của chị N số tiền 450.000.000 đồng, anh T2 thừa nhận chữ viết và chữ ký trong tờ giấy mượn tiền này là do anh viết và ký tên. Việc tại phiên tòa hôm nay anh T2 cho rằng anh có vay của mẹ chị N là bà Trần Thanh T3 số tiền 200.000.000 đồng và mẹ anh là bà Phạm Thị N1 đã trả thay anh xong; còn số tiền 450.000.000 đồng (trong đó có 250.000.000 đồng tiền lãi) trong Tờ giấy mượn tiền ngày 18/8/2020 là do chị N ép anh viết nhưng anh T2 không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của anh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại tờ giấy mượn tiền ngày 18/8/2020 thể hiện nội dung anh Trần Tuấn T2 có mượn của chị Trần Thanh N số tiền 450.000.000 đồng, thỏa thuận từ ngày 18/08/2020 đến ngày 01/02/2021 anh T2 trả cho chị N số tiền 50.000.000 đồng,

số tiền còn lại 400.000.000 đồng trả hàng tháng 4.000.000 đồng (BL 15). Anh T2 thừa nhận chữ viết và chữ ký trong tờ giấy mượn tiền này là do anh viết và ký tên. Trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của anh T2 trước sau không thống nhất nhau, lúc thì anh T2 cho rằng trong số tiền 450.000.000đồng, chỉ có 200.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 250.000.000 đồng là tiền lãi, anh T2 thừa nhận anh có nợ chị N số tiền 200.000.000 đồng, mẹ anh là bà Phạm Thị N1 trả nợ thay anh số tiền nay (BL 70, 73, 79 – 81, 87 - 88); tại phiên tòa sơ thẩm thì anh T2 lại cho rằng số tiền 200.000.000 đồng là mẹ anh T2 là bà Phạm Thị N1 nợ mẹ của chị N là bà Trần Thanh T3, chị N bắt anh viết giấy mượn tiền đề ngày 18/8/2020 (BL 107 - 112); tại phiên phúc thẩm hôm nay anh T2 lại cho rằng số tiền nợ 200.000.000 đồng trên là anh vay của bà Trần Thanh T3, mẹ anh là bà N1 đã trả thay anh xong. Anh T2 có cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm đoạn ghi âm và vi bằng ghi lại cuộc nói chuyện theo anh T2 cho rằng cuộc nói chuyện này là giữa anh T2 với anh C (theo anh T2 cho rằng anh C này là con nuôi bà Trần Thanh T3), bà Phạm Thị N1 để chứng minh số tiền 450.000.000đồng trong tờ giấy mượn tiền ngày 18/8/2020 là anh T2 vay của bà Trần Thanh T3 200.000.000 đồng (lãi 250.000.000 đồng), mẹ anh là bà N1 đã trả xong thay cho anh, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung cuộc nói chuyện trong đoạn ghi âm và được lập thành vi bằng không có nội dung nào thể hiện như lời trình bày của anh T2 là số tiền 450.000.000 đồng trong tờ giấy mượn tiền ngày 18/8/2020 là anh vay của bà T3 200.000.000 đồng (lãi 250.000.000 đồng), mẹ anh là bà N1 đã trả xong thay cho anh. Ngoài ra, cuộc nói chuyện trong đoạn ghi âm trên theo anh T2 là giữa anh T2 với anh C, bà N1 chứ không phải là chị N hay anh T1 (chồng chị N) nên cuộc nói chuyện này không có giá trị pháp lý gì đối với chị N.

[2] Về số tiền bà Phạm Thị N1 nợ bà Trần Thanh T3: Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 05/2022/QĐST - DS ngày 08/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, thể hiện bà N1 thống nhất trả cho bà T3 số tiền 186.000.000 đồng. Theo hồ sơ vụ án trên thể hiện là bà N1 nợ bà T3 số tiền 200.000.000 đồng, bà N1 có viết biên nhận nợ cho bà T3 đề ngày13/9/2020; bà N1 trả được cho T3 14.000.000 đồng tiền lãi, bà T3 đồng ý trừ số tiền lãi 14.000.000 đồng tiền lãi này cho bà N1 vào số tiền gốc 200.000.000 đồng; số tiền gốc còn lại 186.000.000 đồng, bà N1 đồng ý trả số tiền này cho bà T3 (BL 24 - 61). Theo hồ sơ vụ án trên thì không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện số tiền 200.000.000 đồng bà N1 nợ bà T3 này có liên quan đến số tiền 450.000.0000 đồng

anh T2 nợ chị N tại tờ giấy mượn tiền đề ngày 18/8/2020 và cũng không có chứng từ gì thể hiện bà N1 trả nợ thay cho anh T2 của số tiền anh T2 nợ chị N trên.

[3] Từ những chứng cứ và phân tích trên [1], [2], Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn anh T2 là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Tuấn T2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Tuấn T2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2024/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thanh N.

Buộc bị đơn anh Trần Tuấn T2 có nghĩa vụ trả số tiền 450.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*) cho chị Trần Thanh N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh Trần Tuấn T2 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T2 đã nộp theo biên lai số 0001217 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang nên anh T2 không phải nộp tiếp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hùng